

Bản án số: 07/2024/HS-PT
Ngày 31/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ THỦ ĐÔ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Thượng tá Đỗ Ngọc Bình.

Các Thẩm phán: Thượng tá Lê Đức Hà;

Thượng tá Đoàn Thị Phương.

- **Thư ký phiên toà:** Thượng úy Vũ Tiến Thọ và Trung úy Dương Đức Thịnh, Thư ký Toà án quân sự Thủ đô Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội tham gia phiên toà:** Thượng tá Lê Duy Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2024/TLPT - HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Kiều Thị L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô H.

- **Bị cáo kháng cáo:**

Kiều Thị L; sinh ngày 23/11/1995 tại Hà Nội; nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, TP Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội; nghề nghiệp khi phạm tội: Nhân viên bưu tá, Công ty Cổ phần G (làm việc tại Bưu cục V1, Chi nhánh B1 V2); trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Trọng V và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Cao Văn C (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú: Có mặt.

- **Bị hại có liên quan đến kháng cáo:** Tổng Công ty Cổ phần B2; địa chỉ: Số B, ngõ A, phố D, phường D, quận C, TP Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng T; sinh năm: 1982; chức vụ: Phó giám đốc, Chi nhánh V2; nơi cư trú: phường T, quận L, TP Hà Nội: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2023, Kiều Thị L làm việc tại Bưu cục V1, Chi nhánh B1 V2 theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty Cổ phần G với Tổng Công ty Cổ phần B2 (Viettel Post)/ Tập đoàn C2. Hàng ngày, L tiếp nhận hàng hóa, bưu phẩm và giao hàng hóa đến tay người nhận, thu tiền C1 (thu tiền hộ người gửi) và chuyển số tiền này cho Viettel P theo quy định.

L được Viettel P cung cấp cho user “0989573303” để thực hiện công việc. Trước khi thực hiện công việc, L đăng nhập vào phần mềm “VTMAN” của Viettel P để tiếp nhận và phân công phát bưu phẩm cho khách hàng theo thông tin trên mã vận đơn. Trong thời gian từ ngày 25/11/2023 đến ngày 01/12/2023, L đã phát thành công 140 đơn hàng (bưu phẩm, bưu kiện) và thu được 56.421.091 đồng từ khách hàng; cụ thể: Ngày 25/11/2023, phát 36 đơn hàng, thu tổng số 12.519.606 đồng; ngày 26/11/2023, phát 34 đơn hàng, thu tổng số 15.029.474 đồng; ngày 27/11/2023, phát 44 đơn hàng, thu tổng số 15.420.069 đồng; ngày 28/11/2023, phát 03 đơn hàng, thu tổng số 5.032.501 đồng; ngày 29/11/2023, phát 16 đơn hàng, thu tổng số 6.939.841 đồng; ngày 30/11/2023, phát 05 đơn hàng, thu tổng số 1.089.600 đồng; ngày 01/12/2023, phát 02 đơn hàng, thu tổng số 390.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đăng nhập vào phần mềm “VTMAN” để cập nhật kết quả phát thành công lên hệ thống, L đã không nộp số tiền 56.421.091 đồng đã thu của khách hàng về cho Viettel P theo quy định mà đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, ngày 27/11/2023 L bị anh Nguyễn Đức T1 (Trưởng Bưu cục V1) phát hiện, anh T1 đã nhiều lần yêu cầu L nộp lại tiền cho Viettel P nhưng L không nộp; đến ngày 02/12/2023, L đến bưu cục thừa nhận hành vi của mình và hẹn ngày 06/12/2023 sẽ khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Tuy nhiên, đến ngày 06/12/2023, L vẫn không nộp lại số tiền đã chiếm đoạt cho Viettel Post; sau đó anh T1 thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở nhưng L vẫn không nộp. Vì vậy, ngày 23/01/2024 anh T1 đã đến Công an huyện T, TP Hà Nội để tố giác L về hành vi chiếm đoạt tiền của Viettel P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội đã quyết định:

Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Kiều Thị L phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Kiều Thị L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo L phải bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần B2 số tiền 56.421.091 (Năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một nghìn không trăm chín mươi một) đồng; bị cáo đã bồi thường số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền

41.421.091 (Bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn không trăm chín mươi một) đồng.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, bị cáo Kiều Thị L kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô H xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Kiều Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo; không có ý kiến về tội danh, điều luật, mức án phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng; khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu và xác nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là đúng với diễn biến sự việc. Đề nghị HĐXX xem xét đánh giá thêm tình tiết việc bị cáo sau phiên tòa sơ thẩm đã tích cực, chủ động tự nguyện bồi thường, khắc phục được toàn bộ thiệt hại cho Tổng Công ty Cổ phần B2 số tiền 56.421.091 đồng và cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS do bị cáo đã được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con còn nhỏ.

Tranh luận tại phiên tòa, sau khi phát biểu về nội dung kháng cáo, phân tích đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội xét xử bị cáo Kiều Thị L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS là đúng người, đúng tội. Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 15.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo 24 tháng tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau xét xử sơ thẩm bị cáo đã tích cực, chủ động tự nguyện bồi thường, khắc phục được toàn bộ thiệt hại cho Tổng Công ty Cổ phần B2 với tổng số tiền 56.421.091 đồng và việc bị cáo đã được bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt nên cần xem xét đánh giá thêm mức độ tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo điểm b khoản 1 Điều 51 và cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; gia đình hoàn cảnh, sau khi ly hôn chồng hiện đang nuôi con còn nhỏ; bị xét xử với mức hình phạt dưới ba (03) năm tù, các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo có các tình tiết

giảm nhẹ TNHS theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51; bị 01 tình tiết tăng nặng TNHS theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Điều 65 BLHS và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/HĐTP; có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại là Tổng Công ty Cổ phần B2 với tổng số tiền 56.421.091 đồng.

Bị cáo đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và không có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo ân hận, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con nhỏ, phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Kiều Thị L là hợp lệ.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như diễn biến vụ án, phù hợp với lời khai của đại diện theo ủy quyền của bị hại và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận: Từ ngày 25/11/2023 đến ngày 01/12/2023, tại Bưu cục V1, Chi nhánh V2, bị cáo Kiều Thị L đi giao hàng cho Tổng Công ty Cổ phần B2 trên địa bàn xã B, huyện T, TP Hà Nội; Bị cáo đã giao 140 đơn hàng và thu 56.421.091 đồng từ khách hàng nhưng không nộp về cho Tổng Công ty Cổ phần B2 theo quy định mà chiếm đoạt hết số tiền này sử dụng vào mục đích cá nhân.

Vì vậy, hành vi của bị cáo Kiều Thị L đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kiều Thị L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; áp dụng đúng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù là phù hợp.

Tuy nhiên, sau xét xử sơ thẩm ngày 17/10/2024, bị cáo Kiều Thị L đã cố gắng tích cực, chủ động tự nguyện nộp nốt số tiền 41.421.091 đồng tại Bureau V1 để bồi thường toàn bộ thiệt hại 56.421.091 đồng cho Tổng Công ty Cổ phần B2. Như vậy, bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên. Mặc dù, đây không phải tình tiết giảm nhẹ mới nhưng thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo nên cũng cần được xem xét đánh giá mức độ tự nguyện của bị cáo ở mức cao hơn và việc bị cáo đã được bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt nên HĐXX phúc thẩm xét thấy có cơ sở để áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ. Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét tới hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện đã ly hôn chồng và đang nuôi con còn nhỏ cần phải có người mẹ chăm sóc khi lượng hình.

Xem xét toàn diện vụ án HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị xét xử với mức hình phạt dưới ba (03) năm tù, các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nhưng có 02 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, khoản 1 Điều 51 và có 01 tình tiết theo khoản 2 Điều 51 BLHS nên căn cứ hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/HĐTP thấy rằng có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội; giữ nguyên mức hình phạt và áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo, thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Kiều Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm c khoản 3 Điều 260; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Thị L; sửa Quyết định về biện pháp chấp hành hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày

08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô H đối với bị cáo Kiều Thị L; nay tuyên:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo Kiều Thị L **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **48** (*Bốn mươi tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 31/12/2024). Giao bị cáo Kiều Thị L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; tạm hoãn xuất cảnh đối với người được hưởng án treo Kiều Thị L trong thời gian thử thách.

2. Về biện pháp tư pháp: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại 56.421.091 (*năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một nghìn không trăm chín mươi một*) đồng cho Tổng Công ty Cổ phần B2. (Theo biên bản xác nhận nộp tiền công nợ ngày 17/10/2024).

3. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Kiều Thị L được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/12/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSQSTW;
- VKSQSTĐHN;
- CQĐTHSKVICCSN,BQP;
- VKSQSKVTĐHN;
- TAQSKVTĐHN;
- Phòng THA BTTM;
- CQTHAHS Công an huyện Thanh Oai;
- UBND xã Tam Hưng, Thanh Oai;
- TAQSTW (02b);
- Bị cáo;
- Bị hại: Tổng CTCPBC Viettel;
- Lưu HS,THA, VT. B15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng tá Đỗ Ngọc Bình

